

BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *M20* /BDTTG-VPQGDTMN

Hà Nội, ngày *29* tháng *4* năm 2026

V/v hướng dẫn một số nội dung triển khai thực hiện Hợp phần thứ hai Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: 2026-2030

Kính gửi:

Thực hiện Quyết định số 417/QĐ-BNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 (*Chương trình*). Căn cứ nhiệm vụ được phân công, Bộ Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn một số nội dung triển khai thực hiện Hợp phần thứ hai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 (*có Hướng dẫn kèm theo*).

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo về Bộ Dân tộc và Tôn giáo (qua Văn phòng Quốc gia về dân tộc và miền núi) để được hướng dẫn, xem xét, tổng hợp và đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp, bảo đảm việc triển khai thực hiện Chương trình thống nhất, hiệu quả và đúng quy định./. *HTQ*

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTTgCP Hồ Quốc Dũng (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Các Vụ, đơn vị trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, VPQGDTMN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Y Vinh Tơ

HƯỚNG DẪN

Một số nội dung triển khai thực hiện Hợp phần thứ hai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn

2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030

(Kèm theo Công văn số: 1120 /BDTTG-VPQGDTMN ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo)

**Phần thứ nhất:
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG**

I. CƠ SỞ HƯỚNG DẪN

1. Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về công tác dân tộc trong tình hình mới;

2. Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2029 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

3. Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

4. Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (Nghị định số 358/2025/NĐ-CP);

5. Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 (Quyết định số 417/QĐ-BNNMT).

II. NGUYÊN TẮC

1. Hướng dẫn triển khai các nội dung, hoạt động của Hợp phần thứ hai, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 (Chương trình) phải bám sát các Nghị quyết của Quốc hội, tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, Quyết định số 417/QĐ-BNNMT và các văn bản quy định, hướng dẫn có liên quan;

không bổ sung mục tiêu, đối tượng, nội dung, hoạt động hoặc cơ chế hỗ trợ ngoài phạm vi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Địa bàn thực hiện các nội dung thuộc Hợp phần thứ hai được xác định theo quy định tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026 - 2030 (Nghị định số 272/2025/NĐ-CP) và quyết định phê duyệt danh sách địa bàn của cấp có thẩm quyền.

3. Đối tượng thụ hưởng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng, cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi, điều kiện của từng nội dung, hoạt động cụ thể; trong đó việc xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù phải căn cứ quy định hiện hành và danh sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Danh sách đối tượng thụ hưởng, nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, nguồn vốn, kết quả thực hiện và các thông tin cần thiết khác phải được công khai theo quy định; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, người có uy tín, già làng, trưởng thôn, chức sắc, chức việc tôn giáo và người dân trên địa bàn.

Trường hợp một đối tượng đồng thời đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách có cùng nội dung, tính chất hỗ trợ trong Chương trình hoặc giữa Chương trình với các chương trình, dự án, chính sách khác thì thực hiện theo nguyên tắc chỉ hỗ trợ một lần cho cùng một nội dung; ưu tiên áp dụng chính sách có mức hỗ trợ cao hơn hoặc chính sách phù hợp hơn với nhu cầu thực tế, nhưng phải bảo đảm đúng quy định pháp luật và khả năng cân đối nguồn lực.

Đảm bảo 100% đối tượng thụ hưởng đủ điều kiện theo quy định và có nhu cầu được vay vốn tín dụng chính sách xã hội.

4. Việc lập kế hoạch, giao kế hoạch, phân bổ vốn, quản lý vốn, thanh toán, quyết toán, kiểm tra, giám sát, đánh giá, báo cáo và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Chương trình thực hiện theo Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền và quy định pháp luật hiện hành về ngân sách nhà nước, đầu tư công, đấu thầu, xây dựng, đất đai, tài chính, kế toán và các lĩnh vực liên quan.

5. Việc triển khai các nội dung, hoạt động phải phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa, ngôn ngữ, nhu cầu thực tiễn của từng dân tộc, từng địa bàn; ưu tiên địa bàn đặc biệt khó khăn, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù, phụ nữ, trẻ em, người thuộc hộ nghèo, người yếu thế và các nhóm có nguy cơ bị bỏ lại phía sau.

6. Tăng cường phân cấp cho địa phương, nhất là cấp xã, trong tổ chức thực hiện các nội dung của Hợp phần thứ hai; đồng thời xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng cơ quan, đơn vị trong lập kế hoạch, lựa chọn đối tượng, phê duyệt danh sách, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, báo cáo kết quả và xử lý sai phạm nếu có.

7. Việc thực hiện Hợp phần thứ hai cần được lồng ghép với các nhiệm vụ, dự án, chính sách có liên quan về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới,